

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 08 - 4 - 2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN  
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Hồng Thái

2. Ông Nguyễn Thanh Bắc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo -  
Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2020/TLST - HNGĐ, ngày 12/10/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐST - HNGĐ ngày 19/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi kết hôn với anh T năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2010. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh T làm dâu không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân. Hai vợ chồng ở chung với mẹ đẻ anh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, không chăm lo tu chí làm ăn, tôi và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, đến tháng 5/2020 tôi và anh T chính thức sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung: Ngô Quốc A, sinh ngày 19/11/2008, hiện nay con chung đang ở với mẹ đẻ anh T và anh T. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con, tôi không đề nghị Tòa án xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay anh T mắc tệ nạn xã hội nghiện ma

túy, không có khả năng nuôi dưỡng, hiện nay tôi đang đi làm lao động tự do bán hàng, tuy nhiên thu nhập khoảng 6.000.000 đ/1 tháng đảm bảo cuộc sống của tôi và con chung.

Về tài sản: Tôi và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về công sức đóng góp trong gia đình nhà anh T: Tôi về làm dâu không có công sức đóng góp nên tôi không ý kiến và không đề nghị gì.

Tại các bản khai bị đơn anh Ngô Văn T trình bày: Tôi kết hôn với cô H năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2010. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở tại gia đình nhà bố mẹ đẻ tôi. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do tôi nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cãi nhau, đến đầu năm 2020 tôi và cô H sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay cô H làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và cô H có 01 con chung: Ngô Quốc A, sinh ngày 19/11/2008, hiện nay con chung đang ở với mẹ đẻ tôi và tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con, tôi không đề nghị Tòa án xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con đối với cô H.

Về tài sản: Tôi và cô H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) mang tên Ngô Văn T và Nguyễn Thị H; 01 Giấy khai sinh của con (Bản sao) mang tên Ngô Quốc A; 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao) mang tên Nguyễn Thị H; 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ La Thị C. Anh T không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị xin ly hôn và xin được quyền trực tiếp nuôi con chung cháu Ngô Quốc A, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét do chị cho rằng anh T hiện nay đang nghiện ma túy, không có thu nhập, không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chị không đề nghị Tòa án xem xét. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

+ Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Ngô Quốc A, sinh ngày 19/11/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét.

+ Về tài sản: Hai bên đương sự không đề nghị xem xét.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, tuy nhiên hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Ngô Văn T cư trú tại Xóm , xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Ngô Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2008 và đến năm 2010 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn phía chị H cho rằng do anh T nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn, chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng vẫn không có kết quả, anh Tới vẫn không thay đổi, đến tháng 5/2020 chị và anh T đã chính thức sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh T cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cãi nhau nên đến khoảng đầu năm 2020 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ không lý do.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng tại phiên tòa anh T vắng mặt nên anh không đưa ra ý kiến về việc giải quyết. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Văn T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh T cùng xác định vợ chồng có 01 con chung Ngô Quốc A, sinh ngày 19/11/2008, cả chị H và anh T cùng xác định hiện nay con chung đang ở với anh T và mẹ đẻ anh T từ khi vợ chồng sống ly thân, tuy nhiên tại phiên tòa chị H cho rằng chị đã đón con chung cháu Ngô Quốc A về nhà mẹ đẻ chị để chị trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 02/2021 cho đến nay. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét. Phía anh T cũng có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù cả chị H, anh T đều có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, cháu Ngô Quốc A có nguyện vọng xin được ở với cả anh T và chị H, tuy nhiên xét về điều kiện thực tế chị H hiện nay đang đi làm lao động tự do (bán hàng) thu nhập khoảng 6.000.000 đ/ 1 tháng đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống của con chung, phía anh T hiện nay chưa có công việc, chưa đi làm, anh đang sinh sống cùng mẹ đẻ anh, tại biên bản làm việc với mẹ đẻ anh T bà La Thị C xác định anh T hiện nay không làm gì, anh T đang sống phụ thuộc vào bà, anh T đang sử dụng ma túy gia đình đã cho anh T đi uống Methadone nhưng anh không đáp ứng được nên anh T đã tự bỏ, anh T không từ bỏ được ma túy, hiện nay bà không có lương, chỉ có 02 sào ruộng nên rất khó khăn không đảm bảo được cuộc sống của anh T và cháu Ngô Quốc A. Do vậy nếu giao con chung cho anh T sẽ không đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung. Xét đề nghị xin nuôi con chung của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận đề nghị của chị H giao con chung Ngô Quốc A, sinh ngày 19/11/2008 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) trừ trường hợp chị H, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị H không đề nghị gì. Về quyền thăm nom con chung anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị H và anh T cùng xác định anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét nên HĐXX không xem xét.

Về công sức đóng góp trong gia đình nhà anh T: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H xác định không có công sức, không ý kiến và không đề nghị gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

**2. Về con chung:** Giao con chung Ngô Quốc A sinh ngày 19/11/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị H, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản:** Không xem xét.

**4. Về án phí.** Chị H phải chịu 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013627 ngày 12/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÀO NGỌC HÀI**